

Số: **3933** /TTr-UBND

Điện Biên, ngày **02** tháng 12 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023, tỉnh Điện Biên

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH13 ngày 13/6/2019 và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 về việc giao kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 CTMTQG;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 26/2020/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 – 2025; số 46/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025, tỉnh Điện Biên; số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025 và phê duyệt, thông qua Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2022, tỉnh Điện Biên; số 88/NQ-HĐND ngày 02/4/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung và phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025 và năm 2022; số 105/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 về việc thông qua kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện 03 CTMTQG trên địa bàn tỉnh Điện Biên; số 117/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 về việc điều chỉnh và phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022; Thông qua điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Văn bản số 7248/BKHĐT-TH ngày 12/10/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2023;

Sau khi xin ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh Điện Biên trình Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023, tỉnh Điện Biên như sau:

I. Mục tiêu và định hướng đầu tư công trong năm 2023

1. Mục tiêu

Tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án kết cấu hạ tầng trọng điểm để vừa nâng cao năng lực cạnh tranh, năng lực sản xuất của nền kinh tế, tăng cường kết nối liên vùng, khu vực, thúc đẩy tăng trưởng; nhất là các công trình hạ tầng giao thông quan trọng như Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục QL 279 và QL 12, các dự án hạ tầng số, các cơ sở dữ liệu quan trọng; phát triển hệ thống hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, nhất là hệ thống công trình thủy lợi, hồ chứa nước. Hoàn thành xây dựng quy hoạch tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đầu tư nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng cơ sở y tế, giáo dục, an sinh xã hội cho nhân dân, đặc biệt là các dự án y tế thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội. Triển khai các dự án trùng tu, tôn tạo các điểm di tích lịch sử để chuẩn bị hướng tới kỷ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ. Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, phấn đấu đạt tỷ lệ giải ngân đạt 100% trong năm 2023.

2. Định hướng đầu tư công năm 2023

Tiếp tục sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư để đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội thiết yếu, phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu định hướng của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Điện Biên. Trong đó, vốn đầu tư năm 2023 tiếp tục thực hiện bố trí đảm bảo theo nguyên tắc, tiêu chí của pháp luật về đầu tư công và hướng dẫn của bộ, ngành trung ương, trong đó ưu tiên bố trí cho các dự án đã hoàn thành còn thiếu vốn; tiếp đến tập trung bố trí cho các dự án tiếp chi, chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm kế hoạch để sớm đưa công trình vào sử dụng phát huy hiệu quả đầu tư; bố trí vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, dự án quan trọng, trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, có tính kết nối và lan tỏa giữa các vùng.

II. Nguyên tắc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung năm 2023: Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước (NSNN), các Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

III. Dự kiến danh mục và phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2023

Tổng nguồn vốn dự kiến phân bổ năm 2023 là **4.624.531 triệu đồng**, trong đó vốn ngân sách địa phương là 1.299.619 triệu đồng, vốn ngân sách trung ương là 2.148.294 triệu đồng, vốn thực hiện 03 Chương trình MTQG là 1.176.618 triệu đồng, cụ thể như sau:

1. Vốn ngân sách địa phương

Tổng nguồn vốn đầu tư ngân sách địa phương năm 2023 là 1.299.619 triệu đồng, trong đó:

a) Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 500.000 triệu đồng.

Dự kiến phân bổ cho 06 dự án. Trong đó ưu tiên bố trí để thu hồi 100% vốn đã ứng là 448.612 triệu đồng (*Nguồn thu sử dụng đất sẽ bố trí cho các dự án theo số thu thực tế thực hiện trong năm*).

b) Vốn đầu tư trong cân đối NSDP: 799.619 triệu đồng, bao gồm: Vốn xây dựng cơ bản trong cân đối NSDP theo tiêu chí định mức 696.319 triệu đồng; Vốn xổ số kiến thiết 35.000 triệu đồng; Vốn đầu tư từ bội chi NSDP 68.300 triệu đồng. Phân bổ cụ thể như sau:

- Trích dự phòng 10%: 69.632 triệu đồng, bố trí cho 01 dự án cần thiết phục vụ di chuyển trung tâm chính trị hành chính của tỉnh (trong đó: 2.000 triệu đồng thu hồi vốn ứng trước).

- Phân bổ cho ngân sách cấp huyện quản lý, sử dụng (phần 30% phân cấp cho 10 huyện, thị xã, thành phố): 188.006 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương cấp tỉnh quản lý: 541.981 triệu đồng (bao gồm, Phần 70% cấp tỉnh quản lý: 438.681 triệu đồng; Vốn đầu tư từ bội chi NSDP: 68.300 triệu đồng; Vốn Xổ số kiến thiết: 35.000 triệu đồng), phân bổ cụ thể như sau:

- + Bố trí đủ thu hồi vốn đã tạm ứng NSDP là 37.677 triệu đồng của 01 dự án.

- + Bố trí đủ vốn 44.705 triệu đồng cho 03 dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2022.

- + Bố trí đủ vốn 122.674 triệu đồng cho 35 dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023 theo thời gian bố trí vốn.

- + Bố trí trả phí vay, lãi vay, vay để trả nợ gốc (vay lại), vay để bù đắp bội chi: 81.500 triệu đồng (trong đó: Bội chi NSDP 68.300 triệu đồng). Bố trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA: 37.000 triệu đồng cho 02 dự án.

- + Bố trí 114.100 triệu đồng cho 13 dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt (hoàn thành sau năm 2023).

- + Bố trí 69.325 triệu đồng cho 18 dự án khởi công mới.

- + Vốn xổ số kiến thiết 35.000 triệu đồng:

- * Lĩnh vực Giáo dục đào tạo - nghề nghiệp 11.552 triệu đồng: Bố trí cho 02 dự án hoàn thành năm 2023 (5.152 triệu đồng); 01 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023 (3.000 triệu đồng); 02 dự án khởi công mới (3.400 triệu đồng).

- * Lĩnh vực Y tế 19.948 triệu đồng: Bố trí cho 02 dự án hoàn thành năm 2023 (3.500 triệu đồng); 03 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023 (10.248 triệu đồng) và 04 dự án khởi công mới (6.200 triệu đồng).

- * Các nhiệm vụ trọng tâm thuộc CTMTQG xây dựng nông thôn mới 3.500 triệu đồng (10% vốn XSKT).

2. Vốn ngân sách trung ương: 2.148.294 triệu đồng, trong đó:

a) Vốn trong nước: 1.843.900 triệu đồng (bao gồm cả vốn Chương trình phục hồi phát triển KTXH), phân bổ cụ thể như sau:

- Bố trí đủ vốn 186.000 triệu đồng cho 03 dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội – lĩnh vực y tế.

- Bố trí đủ vốn 28.426 triệu đồng cho 01 dự án chuyển tiếp phải hoàn thành trong năm 2023 (nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh).

- Bố trí vốn 2.500 triệu đồng cho 03 dự án chuẩn bị đầu tư; Bố trí 60.000 triệu đồng vốn đối ứng ODA cho 01 dự án.

- Bố trí vốn 655.728 triệu đồng cho 17 dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt (hoàn thành sau năm 2023).

- Bố trí 801.246 triệu đồng cho 04 dự án quan trọng có tính chất liên vùng (cao hơn 170.246 triệu đồng so với mức tối thiểu phải bố trí)

- Bố trí 140.000 triệu đồng cho 05 dự án khởi công mới.

b) Vốn nước ngoài: 304.394 triệu đồng, phân bổ cụ thể như sau:

- Bố trí 304.394 triệu đồng cho 01 dự án chuyển tiếp theo tiến độ được phê duyệt.

3. Vốn Chương trình MTQG: 1.176.618 triệu đồng, phân bổ cho 03 chương trình như sau:

a) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 632.564 triệu đồng, bố trí cho 136 dự án, cụ thể:

- Phân bổ cho 43 dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023 với tổng số vốn NSTW là 306.762 triệu đồng.

- Phân bổ cho 01 dự án thực hiện theo tiến độ hoàn thành sau năm 2023 với tổng số vốn NSTW là 20.000 triệu đồng.

- Phân bổ cho 92 dự án khởi công mới năm 2023 (không bao gồm các dự án thực hiện với cơ chế đặc thù) với tổng số vốn NSTW là 305.802 triệu đồng, trong đó:

- + Các dự án đủ điều kiện phân bổ chi tiết là 67 dự án với tổng số vốn là 219.208 triệu đồng.

- + Các dự án còn lại chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết là 25 dự án với tổng số vốn là 86.594 triệu đồng (do các dự án chưa phê duyệt quyết định đầu tư).

(b) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 435.974 triệu đồng.

Phân bổ cho các đơn vị cấp tỉnh 20.844 triệu đồng, cho 7 đơn vị cấp huyện là 415.130 triệu đồng với tổng số 77 dự án. Cụ thể như sau:

Bố trí đủ 132.266 triệu đồng cho 29 dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành năm 2023 – Bố trí 255.950 triệu đồng cho 28 dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành sau 2023.

Bố trí 43.858 triệu đồng cho 9 dự án khởi công mới năm 2023.

Bố trí 3.900 triệu đồng cho 11 dự án chuẩn bị đầu tư.

c) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 108.080 triệu đồng, bố trí cho 41 dự án, như sau:

- Phân bổ cho 22 dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023 với tổng số vốn NSTW là 18.606 triệu đồng.

- Phân bổ cho 19 dự án khởi công mới năm 2023 (chưa bố trí vốn cho các dự án thuộc đối tượng thực hiện theo cơ chế đặc thù) với tổng số vốn NSTW là 89.474 triệu đồng, trong đó:

+ Các dự án đủ điều kiện phân bổ chi tiết là 12 dự án với tổng số vốn là 33.956 triệu đồng.

+ Các dự án còn lại chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết là 07 dự án với tổng số vốn là 55.518 triệu đồng (do các dự án chưa phê duyệt quyết định đầu tư).

(Có Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2022 và dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023 gửi kèm theo)

Trên đây là Tờ trình Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023, tỉnh Điện Biên, UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (B/c);
- TT HĐND tỉnh (B/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Lê Thành Đô



Số: /NQ-HĐND

Điện Biên, ngày tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê duyệt, thông qua Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước
năm 2023, tỉnh Điện Biên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày ... tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023;

Tiếp theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 46/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025, tỉnh Điện Biên; số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025 và phê duyệt, thông qua Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2022, tỉnh Điện Biên; số 88/NQ-HĐND ngày 02/4/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung và phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025 và năm 2022; số 105/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 về việc thông qua kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện 03 CTMTQG trên địa bàn tỉnh Điện Biên; số 110/NQ-HĐND ngày 31/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Thông qua kế hoạch vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 hỗ trợ huyện đạt chuẩn nông thôn mới thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, trên địa bàn tỉnh Điện Biên; số 117/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung và phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022; Thông qua điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên tại Tờ trình số/TTr-UBND, ngày tháng 12 năm 2022, Báo cáo thẩm tra số/BC-KTNS, ngày

.... tháng 12 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt và thông qua Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023, tỉnh Điện Biên với tổng số vốn **4.624.531 triệu đồng**, cụ thể như sau:

1. Giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2023:
Tổng nguồn vốn đầu tư ngân sách địa phương năm 2023 là 1.299.619 triệu đồng, trong đó:

a) Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 500.000 triệu đồng.

Phân bổ cho 06 dự án, trong đó ưu tiên bố trí để thu hồi 100% vốn đã ứng là 448.612 triệu đồng (*Nguồn thu sử dụng đất sẽ bố trí cho các dự án theo số thu thực tế thực hiện trong năm*).

b) Vốn đầu tư trong cân đối NSDP: 799.619 triệu đồng, bao gồm: Vốn xây dựng cơ bản trong cân đối NSDP theo tiêu chí định mức 696.319 triệu đồng; Vốn xố số kiến thiết 35.000 triệu đồng; Vốn đầu tư từ bội chi NSDP 68.300 triệu đồng. Phân bổ cụ thể như sau:

- Trích dự phòng 10%: 69.632 triệu đồng, bố trí cho 01 dự án cần thiết phục vụ di chuyển trung tâm chính trị hành chính của tỉnh (trong đó: 2.000 triệu đồng thu hồi vốn ứng trước).

- Phân bổ cho ngân sách cấp huyện quản lý, sử dụng (phần 30% phân cấp cho 10 huyện, thị xã, thành phố): 188.006 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương cấp tỉnh quản lý: 541.981 triệu đồng (bao gồm, Phần 70% cấp tỉnh quản lý: 438.681 triệu đồng; Vốn đầu tư từ bội chi NSDP: 68.300 triệu đồng; Vốn Xố số kiến thiết: 35.000 triệu đồng), phân bổ cụ thể như sau:

+ Bố trí đủ thu hồi vốn đã tạm ứng NSDP là 37.677 triệu đồng của 01 dự án.

+ Bố trí đủ vốn 44.705 triệu đồng cho 03 dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2022.

+ Bố trí đủ vốn 122.674 triệu đồng cho 35 dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023 theo thời gian bố trí vốn.

+ Bố trí trả phí vay, lãi vay, vay để trả nợ gốc (vay lại), vay để bù đắp bội chi: 81.500 triệu đồng (trong đó: Bội chi NSDP 68.300 triệu đồng). Bố trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA: 37.000 triệu đồng cho 02 dự án.

+ Bố trí 114.100 triệu đồng cho 13 dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt (hoàn thành sau năm 2023).

+ Bố trí 69.325 triệu đồng cho 18 dự án khởi công mới.

+ Vốn xố số kiến thiết 35.000 triệu đồng:

* Lĩnh vực Giáo dục đào tạo - nghề nghiệp 11.552 triệu đồng: Bố trí cho 02 dự án hoàn thành năm 2023 (5.152 triệu đồng); 01 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023 (3.000 triệu đồng); 02 dự án khởi công mới (3.400 triệu đồng).

* Lĩnh vực Y tế 19.948 triệu đồng: Bố trí cho 02 dự án hoàn thành năm 2023 (3.500 triệu đồng); 03 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023 (10.248 triệu đồng) và 04 dự án khởi công mới (6.200 triệu đồng).

* Các nhiệm vụ trọng tâm thuộc CTMTQG xây dựng nông thôn mới 3.500 triệu đồng (10% vốn XSKT).

(Chi tiết như Biểu số 1 và 2 kèm theo)

2. Thông qua Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2023: Tổng nguồn vốn ngân sách trung ương năm 2023 là 2.148.294 triệu đồng, trong đó:

a) Vốn NSTW trong nước: 1.843.900 triệu đồng (bao gồm cả vốn Chương trình phục hồi phát triển KTXH).

b) Vốn nước ngoài: 304.394 triệu đồng.

3. Thông qua Kế hoạch đầu tư công vốn Chương trình MTQG năm 2023: Tổng nguồn vốn Chương trình MTQG năm 2023 là 1.176.618 triệu đồng, trong đó:

a) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 632.564 triệu đồng.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 435.974 triệu đồng.

c) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 108.080 triệu đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ chi tiết Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2023 đảm bảo theo đúng hạn mức và danh mục các dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quyết nghị. Riêng nguồn vốn NSTW và Chương trình MTQG năm 2023, UBND tỉnh thực hiện phân bổ đảm bảo theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Quyết định giao kế hoạch vốn của Thủ tướng Chính phủ và văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành có liên quan. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh, Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động rà soát, xây dựng phương án điều chỉnh và trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành:

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Khóa XV, kỳ họp thứ Mười thông qua ngày tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu QH tỉnh, ĐB HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ, CV Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lò Văn Phương

Biểu số 1

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 VÀ
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Năm 2022								KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021- 2025	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
		Kế hoạch vốn do TTgCP giao	Kế hoạch do HĐND tỉnh thông qua	Thực hiện đến 31/10/2022			Ước thực hiện đến 31/01/2023					
				Giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/10/2022	Tỷ lệ giải ngân so với số TTgCP giao (%)	Tỷ lệ giải ngân so với số HĐND tỉnh giao (%)	Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/01/2023	Tỷ lệ giải ngân so với số TTgCP giao (%)	Tỷ lệ giải ngân so với số HĐND tỉnh giao (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ	3.554.122	4.408.167	1.446.782	40,71	32,82	3.525.813	99,20	79,98	19.057.312	#REF!	
1	Vốn NSNN	3.554.122	4.408.167	1.446.782	40,71	32,82	3.525.813	99,20	79,98	19.057.312	#REF!	
	Trong đó:											
a)	Vốn ngân sách địa phương	822.730	1.676.775	525.069	63,82	31,31	794.421	96,56	47,38	7.123.595	1.299.619	
-	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm đất, xổ số và bội chi)	662.530	662.530	506.543	76,46	76,46	662.530	100,00	100,00	3.734.700	696.319	
-	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	100.000	954.045	0	0,00	0,00	71.691	71,69	7,51	3.219.795	500.000	
-	Xổ số kiến thiết	36.000	36.000	14.368	39,91	39,91	36.000	100,00	100,00	168.000	35.000	
-	Bội chi ngân sách địa phương	24.200	24.200	4.158	17,18	17,18	24.200	100,00	100,00	1.100	68.300	
	Trong đó: Vốn trái phiếu chính quyền địa phương											
b)	Vốn ngân sách trung ương	1.579.396	1.579.396	798.762	50,57	50,57	1.579.396	100,00	100,00	7.594.880	#REF!	
-	Vốn trong nước	1.494.876	1.494.876	795.359	53,21	53,21	1.494.876	100,00	100,00	6.789.720	#REF!	
	Trong đó:											
	Nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội										#REF!	
	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác										#REF!	
-	Vốn nước ngoài	84.520	84.520	3.403	4,03	4,03	84.520	100,00	100,00	805.160	304.394	
c)	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia	1.151.996	1.151.996	122.950	10,67	10,67	1.151.996	100,00	100,00	4.338.837	1.176.618	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	477.821	477.821	32.834	6,87	6,87	477.821	100,00	100,00	2.530.902	632.564	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	486.705	486.705	65.391	13,44	13,44	486.705	100,00	100,00	1.434.515	435.974	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	187.470	187.470	24.726	13,19	13,19	187.470	100,00	100,00	373.420	108.080	
2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật											

Biểu số 2

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ		7.250.670	3.458.350	4.208.819			1.061.411			1.299.619	488.289		
A	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất		2.132.500	1.189.545	1.189.545			210.691			500.000	448.612		Bổ trí cho các dự án khi có nguồn thu thực tế
1	Đường vành đai II (Nối tiếp từ khu TĐC Noong Bua đến khu TĐC Pú Tầu)	1333/QĐ-UBND 04/12/2015; 2051/QĐ-UBND 12/11/2021	550.000	30.883	30.883						20.000	20.000		Trả ứng Quỹ phát triển đất
2	Giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư theo quy hoạch chi tiết Cảng hàng không Điện Biên giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (để thực hiện dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên)	799/QĐ-UBND 14/8/2020	1.100.000	855.000	855.000			139.000			366.000	366.000		Ứng trước NSDP: 446.000trđ. Dự kiến hoàn ứng từ tiền ĐGD năm 2022: 80.000trđ. Còn lại phải hoàn ứng 366.000trđ
3	Dự án: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m	106/QĐ-UBND 13/02/2017; 3407/QĐ-UBND 31/12/2021	310.000	188.162	188.162			71.691			56.388	15.000		Trả ứng Quỹ phát triển đất
4	Xây dựng thao trường khu vực hướng Tây Quân khu 2	3180/QĐ-UBND 06/12/2021	146.000	89.000	89.000						47.612	47.612		Ứng năm 2022: 104.412trđ. Bổ trí hoàn ứng bằng NSDP cấp tỉnh 56.800trđ. Còn lại hoàn ứng bằng tiền ĐGD 47.612trđ
5	Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã biên giới thuộc Công an huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	2774/QĐ-CAT-PH10 ngày 02/12/2022	13.000	13.000	13.000						5.000			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
6	Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã biên giới thuộc Công an huyện Nậm Pồ, Mường Chà, tỉnh Điện Biên	2773/QĐ-CAT-PH10 ngày 02/12/2022	13.500	13.500	13.500						5.000			
B	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm đất, xổ số kiến thiết)		4.888.460	2.064.916	2.907.074			822.530			764.619	39.677		
I	Dự phòng (10%)		210.000	210.000	210.000						69.632	2.000		
1	Dự án: Xây dựng khu, điểm tái định cư Khu trung tâm chính trị, hành chính tỉnh Điện Biên	1054/QĐ-UBND 17/6/2022	210.000	210.000	210.000						69.632	2.000		
II	Bổ sung từ NSDP cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện quản lý				1.008.369			357.766			188.006			
1	Thành phố Điện Biên Phủ				106.921			37.935			19.935			
2	Huyện Điện Biên				130.113			46.164			24.259			
3	Huyện Tuần Giáo				125.336			44.469			23.368			
4	Huyện Điện Biên Đông				109.687			38.916			20.451			
5	Huyện Mường Ảng				82.506			29.273			15.383			
6	Huyện Mường Nhé				107.140			38.013			19.976			
7	Huyện Mường Chà				103.085			36.574			19.220			
8	Huyện Tủa Chùa				93.875			33.307			17.503			
9	Huyện Nậm Pồ				115.441			40.958			21.523			
10	Thị xã Mường Lay				34.265			12.157			6.389			
III	NSDP cấp tỉnh quản lý		4.678.460	1.854.916	1.688.705			464.764			506.981	37.677		
III.1	Vay mới, trả phí vay, lãi vay				95.200			70.932			81.500			
1	Trả lãi vay										3.600			
2	Vay để trả nợ gốc (vay lại)										9.600			
3	Vay để bù đắp bội chi (bội chi NSDP)										68.300			
III.2	Đối ứng các dự án ODA		1.359.665	195.433	167.623			29.673			37.000			
1	Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Điện Biên	802/QĐ-UBND 22/10/2014; 660/QĐ-UBND 08/8/2018; 1740/QĐ-TTg 13/12/2019	1.199.000	180.000	152.190			24.000			33.000			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn vay và viện trợ không hoàn lại của ADB trên địa bàn tỉnh Điện Biên	6689/QĐ-BYT 02/11/2018 3826/QĐ-BYT 28/6/2019	160.665	15.433	15.433			5.673			4.000			
III.3	Các dự án trọng điểm		1.300.000	320.000	320.000			24.000			20.000			
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		1.300.000	320.000	320.000			24.000			20.000			
1	Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục QL 279 và QL 12, tỉnh Điện Biên	984/QĐ-UBND 31/5/2021	1.300.000	320.000	320.000			24.000			20.000			
III.4	Phân theo ngành/lĩnh vực		2.018.795	1.339.483	1.105.882			340.159			368.481	37.677		
1	Ngành/lĩnh vực: Quốc phòng		218.600	129.600	129.400			50.323			57.327	37.677		
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		31.600	31.600	31.400			22.800			7.650			
1	Kê chống sạt doanh trại dBB1/Bộ CHQS tỉnh Điện Biên	1117/QĐ-UBND 29/10/2020	14.600	14.600	14.400			13.000			1.100			
2	Sửa chữa nhà khách; nhà ở, làm việc Chi huy; nhà ăn, nhà bếp cơ quan Bộ CHQS tỉnh	3039/QĐ-UBND 23/11/2021	5.000	5.000	5.000			4.400			550			
3	Trận địa phòng không và các hạng mục hỗ trợ trong khu căn cứ chiến đấu tỉnh Điện Biên	642/QĐ-UBND 23/11/2021	8.000	8.000	8.000			4.400			3.200			
4	Kho tàng chứng, vật chứng, hạ tầng phụ trợ Bộ CHQS tỉnh	2062/QĐ-UBND 15/11/2021	4.000	4.000	4.000			1.000			2.800			
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		181.000	92.000	92.000			27.323			47.677	37.677		
1	Dự án rà phá bom mìn vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Điện Biên	2045/QĐ-UBND 11/11/2021	35.000	35.000	35.000			8.000			10.000			
2	Xây dựng thao trường khu vực hướng Tây Quân khu 2	3180/QĐ-UBND 06/12/2021	146.000	57.000	57.000			19.323			37.677	37.677		
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2023		6.000	6.000	6.000			200			2.000			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp Nhà ăn nhà bếp, hạ tầng cấp, thoát nước mạng ngoài cơ quan Bộ CHQS tỉnh	2063/QĐ-UBND 15/11/2021	6.000	6.000	6.000			200			2.000			
2	Ngành/lĩnh vực: An ninh, trật tự, an toàn xã hội		25.000	25.000	25.000			4.400			15.400			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		7.000	7.000	7.000			4.400			2.400			
1	Nhà làm việc câu lưu phòng quản lý xuất nhập cảnh	2061/QĐ-UBND 16/11/2021	7.000	7.000	7.000			4.400			2.400			
'(2)	Các dự án khởi công mới năm 2023		18.000	18.000	18.000						13.000			
1	Dự án: Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã biên giới thuộc Công an huyện Điện Biên, Mường Nhé, tỉnh Điện Biên	2772/QĐ-CAT- PH10 ngày 02/12/2022	14.000	14.000	14.000						10.000			
2	Dự án: Trụ sở làm việc Công an xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	2771/QĐ-CAT- PH10 ngày 02/12/2022	4.000	4.000	4.000						3.000			
3	Ngành/lĩnh vực: Giáo dục đào tạo - GD nghề nghiệp		408.900	332.392	240.703			80.900			71.700			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		277.100	202.992	111.803			65.000			41.800			
1	Trường THPT Lương Thế Vinh	835/QĐ-UBND 10/9/2012; 1102/QĐ- UBND 01/9/2016; 876/QĐ 17/9/2019	121.810	95.989	13.200			6.000			6.500			
2	Trường phổ thông DTNT THPT huyện Nậm Pồ	1032/QĐ-UBND 24/10/2019	46.000	23.000	16.000			6.000			8.000			
3	Trường tiểu học số 1 Nà Nhạn, TP ĐBP	633/QĐ-UBND 29/04/2021	14.800	13.512	13.312			6.000			7.000			
4	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học số 1 xã Pá Khoang, TP ĐBP	576/QĐ-UBND 19/4/2021	13.000	11.500	11.300			7.000			4.000			
5	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Hoàng Văn Nô, TP ĐBP	597/QĐ-UBND 26/4/2021	12.500	11.000	10.800			6.000			4.500			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
6	Cải tạo, nâng cấp nhà lớp học trường mầm non Thanh Bình, TP ĐBP	616/QĐ-UBND 27/4/2021	14.000	12.500	12.300			8.000			4.000			
7	Nâng cấp trường PTDTBT THCS Leng Su Sin xã Leng Su Sin	1515/QĐ-UBND 31/12/2020; 434/QĐ-UBND 31/3/2021	17.990	11.990	11.790			10.000			1.500			
8	Trường tiểu học trung tâm huyện Nậm Pồ	1156/QĐ-UBND 28/6/2021	19.000	12.000	11.800			8.000			3.300			
9	Trường Trung học cơ sở huyện Nậm Pồ	1117/QĐ-UBND 24/6/2021	18.000	11.501	11.301			8.000			3.000			
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		42.400	42.400	42.100			15.500			17.900			
1	Nhà bếp, ăn và các hạng mục phụ trợ Trường Cao đẳng nghề Điện Biên	1489/QĐ-UBND 30/12/2020	7.900	7.900	7.700			4.000			3.000			
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Nà Tấu, TP ĐBP	1509/QĐ-UBND 20/8/2021	10.200	10.200	10.100			4.000			5.500			
3	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT THPT huyện Tủa Chùa	3017/QĐ-UBND 22/11/2021	9.800	9.800	9.800			5.500			3.000			
4	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học số 2 Nà Tấu, Thành phố Điện Biên Phủ	3069/QĐ-UBND 29/11/2021	14.500	14.500	14.500			2.000			6.400			
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2023		89.400	87.000	86.800			400			12.000			
1	Bổ sung cơ sở vật chất trường THCS THPT Quyết Tiến, huyện Tủa Chùa	1931/QĐ-UBND 17/10/2022	14.500	14.500	14.500			200			2.000			
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT THPT huyện Điện Biên Đông	1922/QĐ-UBND 14/10/2022	14.500	14.500	14.500			200			2.000			
3	Xây dựng trường PTDT bán trú tiểu học xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa	3227/QĐ-UBND 14/12/2021	22.400	20.000	20.000						5.000			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
4	Xây dựng trường phổ thông DTBT tiểu học Chiềng Sơ, huyện Điện Biên Đông (giai đoạn 1)	2203/QĐ-UBND 02/12/2022	38.000	38.000	37.800						3.000			
4	Ngành/lĩnh vực: Khoa học và công nghệ		17.000	17.000	16.600			4.000			9.400			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		10.000	10.000	9.800			4.000			5.400			
1	Xây dựng trụ sở Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	3011/QĐ-UBND 19/11/2021	10.000	10.000	9.800			4.000			5.400			
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2023		7.000	7.000	6.800						4.000			
1	Đầu tư trang thiết bị Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng tỉnh Điện Biên	2175/QĐ-UBND 25/11/2022	7.000	7.000	6.800						4.000			
5	Ngành/lĩnh vực: Y tế, dân số và gia đình		64.850	64.850	58.950			13.900			18.625			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		26.850	26.850	21.150			9.700			9.000			
1	XD mới Khoa tiền lâm sàng và sửa chữa, nâng cấp một số khoa, phòng và các hạng mục phụ trợ Trường CD Y tế Điện Biên	1115/QĐ-UBND 30/10/2019	14.850	14.850	9.550			3.700			4.000			
2	Sửa chữa TTYT huyện Tuần Giáo	1420/QĐ-UBND 16/12/2020	6.000	6.000	5.800			3.000			2.500			
3	Sửa chữa TTYT huyện Tủa Chùa	1421/QĐ-UBND 16/12/2020	6.000	6.000	5.800			3.000			2.500			
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		10.000	10.000	9.800			4.000			5.300			
1	Sửa chữa TTYT huyện Mường Chà	1422/QĐ-UBND 16/12/2020	10.000	10.000	9.800			4.000			5.300			
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2023		28.000	28.000	28.000			200			4.325			
1	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh	3005/QĐ-UBND 19/11/2021	28.000	28.000	28.000			200			4.325			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
6	Ngành/lĩnh vực: Văn hóa, thông tin		20.000	20.000	20.000			400			10.000			
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2023		20.000	20.000	20.000			400			10.000			
1	Cải tạo, sửa chữa các công trình; điểm di tích phục vụ Lễ kỷ niệm 70 năm Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ	880/QĐ-UBND 10/5/2022	20.000	20.000	20.000			400			10.000			
7	Ngành/lĩnh vực: Phát thanh, truyền hình, thông tấn		16.900	10.000	10.000			9.000			500			
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022		16.900	10.000	10.000			9.000			500			
1	Nâng cấp xe phục vụ truyền hình lưu động, Đài PTTH tỉnh	3070/QĐ-UBND 29/11/2021	16.900	10.000	10.000			9.000			500			
8	Ngành/lĩnh vực: Thể dục thể thao		30.000	15.000	15.000						2.000			
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2023		30.000	15.000	15.000						2.000			
1	Sân vận động huyện Điện Biên	'1863/QĐ-UBND ngày 06/10/2022	30.000	15.000	15.000						2.000			
9	Ngành/lĩnh vực: Bảo vệ môi trường													
10	Ngành/lĩnh vực: Các hoạt động kinh tế		1.045.660	620.891	486.179			133.360			146.605			
10.1	Nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		542.500	319.391	195.345			56.324			23.971			
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022		47.184	8.975	4.471						4.471			
1	Dự án bố trí ổn định dân cư vùng có nguy cơ sạt lở, lũ quét ĐBKK các bản Suối Lư I,II,III đến định cư tại khu vực bãi Huổi Po, xã Keo Lôm, huyện Điện Biên Đông	151/QĐ-UBND 14/2/2015; 914QĐ-UBND 10/9/2020	47.184	8.975	4.471						4.471			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		122.500	110.500	75.674			56.074			11.500			
1	Thủy lợi Nậm Pồ xã Nà Hỳ, huyện Mường Nhé (nay là huyện Nậm Pồ)	1119/QĐ-UBND 30/10/2019; 92/QĐ-UBND 18/01/2022	60.000	60.000	46.174			41.174			2.500			
2	Cơ sở hạ tầng các khu bảo tồn tỉnh Điện Biên	1003/QĐ-UBND 03/8/2016; 37/QĐ-UBND 10/01/2018	62.500	50.500	29.500			14.900			9.000			
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2023		372.816	199.916	115.200			250			8.000			
1	Công trình thủy lợi Nậm Khẩu Hu, xã Thanh Nua, huyện Điện Biên (hợp phần thủy lợi)	1327/QĐ-UBND 29/12/2017	273.016	100.116	26.000			250			2.000			
2	Kè chống sạt lở khu dân cư, đất sản xuất xã Búng Lao, huyện Mường Ảng	865/QĐ-UBND 28/5/2021	39.800	39.800	35.600						2.000			
3	Hệ thống kênh nội đồng công trình hồ Nậm Ngám - Pú Nhi, huyện Điện Biên Đông	863/QĐ-UBND 28/5/2021	30.000	30.000	26.800						2.000			
4	Kè chống sạt lở suối Huổi Luông, thôn bản Hột, xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa	864/QĐ-UBND 28/5/2021	30.000	30.000	26.800						2.000			
10.2	Công nghiệp													
10.3	Giao thông		184.500	110.700	109.800			41.500			28.200			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		132.500	58.700	58.000			36.300			19.000			
1	Đường giao thông lên bản + nội bản điểm ĐCĐC Hồ Huổi Luông A, xã Lay Nua, thị xã Mường Lay	990/QĐ-UBND 31/5/2021	19.000	10.500	10.500			6.561			3.500			
2	Đường giao thông lên bản + nội bản điểm ĐCĐC Hồ Nậm Cán, xã Lay Nua, thị xã Mường Lay	988/QĐ-UBND 31/5/2021	13.600	3.800	3.800			239			3.300			
3	Đường Trung tâm xã Tênh Phong (Km1+967) - bản Thẩm Nậm, huyện Tuần Giáo	1491/QĐ-UBND 30/12/2020	14.000	10.100	10.000			7.000			2.500			
4	Sửa chữa, nâng cấp đường Trại Sở xã mới - Bản Chua Ta B, huyện ĐBĐ	1365/QĐ-UBND 30/7/2021	10.000	6.400	6.300			3.000			3.000			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
5	Sửa chữa, nâng cấp đường Háng Lĩa, Tia Đình, huyện ĐBĐ	1364/QĐ-UBND 30/7/2021	14.000	9.000	8.900			7.000			1.500			
6	Quốc Lộ 279 (Trạm khi tượng) đi trung tâm Pù Từu xã Thanh Xương, huyện Điện Biên	985/QĐ-UBND 31/5/2021	22.000	7.000	6.800			3.000			3.400			
7	Sửa chữa, nâng cấp đường nội thị Thị trấn, huyện Mường Chà	33/QĐ-UBND 08/01/2021	39.900	11.900	11.700			9.500			1.800			
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		13.000	13.000	12.800			5.000			5.200			
1	NC SC đường nội thị, thăm BT nhựa 1 số trục đường nội thị thị trấn Điện Biên Đông	748/QĐ-UBND 19/5/2021	13.000	13.000	12.800			5.000			5.200			
'(3)	Các dự án khởi công mới năm 2023		39.000	39.000	39.000			200			4.000			
1	Cầu Nà Khoa, huyện Nậm Pồ	2180/QĐ-UBND 25/11/2022	39.000	39.000	39.000			200			4.000			
10.4	Khu công nghiệp, khu kinh tế													
10.5	Thương mại													
10.6	Cấp thoát nước		14.500	14.500	14.500			5.839			5.000			
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		14.500	14.500	14.500			5.839			5.000			
1	Xây dựng hệ thống cấp nước bổ sung của Nhà máy nước huyện Tủa Chùa	2064/QĐ-UBND 18/11/2021	14.500	14.500	14.500			5.839			5.000			
10.7	Kho tàng													
10.8	Du lịch		13.000	13.000	12.900			4.587			5.000			
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		13.000	13.000	12.900			4.587			5.000			
1	Các hạng mục phụ trợ + thiết bị công trình trung tâm giao lưu và thông tin du lịch Điện Biên Phủ	3044/QĐ-UBND 24/11/2021	13.000	13.000	12.900			4.587			5.000			
10.9	Bưu chính, viễn thông													
10.10	Công nghệ thông tin		39.460	39.460	39.460			9.110			17.500			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2023		22.460	22.460	22.460			8.910			12.500			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025	3052/QĐ-UBND 25/11/2021	22.460	22.460	22.460			8.910			12.500			
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2023		17.000	17.000	17.000			200			5.000			
1	Dự án số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh Điện Biên	2154/QĐ-UBND 24/11/2022	17.000	17.000	17.000			200			5.000			
10.11	Quy hoạch													
10.12	Công trình công cộng tại các đô thị		251.700	123.840	114.174			16.000			66.934			
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022		139.000	49.000	39.734						39.734			
1	Sân ủi mặt bằng, đường nội thị trung tâm huyện lỵ Nậm Pồ	1077/QĐ-UBND 29/10/2019; 1725/QĐ-UBND 23/9/2021; 730/QĐ-UBND 28/4/2022	139.000	49.000	39.734						39.734			
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		25.000	10.000	10.000			5.000			4.000			
1	Nâng cấp các tuyến đường nội thị thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa	3140/QĐ-UBND 30/11/2021	25.000	10.000	10.000			5.000			4.000			
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		72.800	54.840	54.640			11.000			21.200			
1	Kè bảo vệ khu dân cư và công trình hạ tầng kỹ thuật suối Tin Tộc thị trấn Mường Ảng (giai đoạn II)	1705/QĐ-UBND 17/9/2021	39.800	31.840	31.640			5.000			10.000			
2	Nghĩa trang nhân dân huyện Mường Ảng (giai đoạn 1)	3135/QĐ-UBND 29/11/2021	20.000	10.000	10.000			4.000			4.000			
3	Nghĩa trang nhân dân thị xã Mường Lay (giai đoạn 1)	3142/QĐ-UBND 30/11/2021	13.000	13.000	13.000			2.000			7.200			
(4)	Công trình khởi công mới năm 2023		14.900	10.000	9.800						2.000			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Nâng cấp, sửa chữa rãnh thoát nước, vỉa hè đường Nguyễn Chí Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ		14.900	10.000	9.800						2.000			
10.13	Cấp vốn điều lệ cho NHCS; hỗ trợ DN đầu tư vào NN nông thôn; hỗ trợ DNNVV; hỗ trợ HTX													
11	Ngành/linh vực: Hoạt động của cơ quan QLNN		162.385	95.250	94.550			39.876			32.924			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		92.435	60.300	59.700			34.876			21.924			
1	Xây mới trụ sở UBND xã Pá Khoang, TP ĐBP	629/QĐ-UBND 28/4/2021	9.200	7.700	7.500			5.000			2.200			
2	Trụ sở xã Nậm Nhừ, huyện Nậm Pồ	1103/QĐ-UBND 23/6/2021	9.000	6.300	6.200			6.000			200			
3	Trụ sở xã Nậm Chua, huyện Nậm Pồ	1102/QĐ-UBND 23/6/2021	9.000	6.300	6.200			5.876			324			
4	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa Trung tâm hoạt động TTN Điện Biên	3072/QĐ-UBND 29/11/2021	8.000	8.000	8.000			5.000			2.700			
5	Trung tâm hội nghị - văn hóa huyện Mường Ảng	1791/QĐ-UBND 01/10/2021	30.245	15.000	15.000			8.000			6.500			
6	Trụ sở Trung tâm quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn tỉnh Điện Biên	3071/QĐ-UBND 29/11/2021	12.000	12.000	11.800			5.000			6.000			
7	Nâng cấp, sửa chữa Nhà khách Huyện ủy - HĐND và UBND huyện Tủa Chùa	1656/QĐ-UBND 9/9/2021	14.990	5.000	5.000						4.000			
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		14.950	14.950	14.850			5.000			8.000			
1	Dự án sửa chữa, nâng cấp trụ sở Đoàn nghệ thuật tỉnh	1826/QĐ-UBND 07/10/2021	14.950	14.950	14.850			5.000			8.000			
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2023		55.000	20.000	20.000						3.000			
1	Hỗ trợ xây dựng trụ sở làm việc và công trình phụ trợ Hội Cựu chiến binh tỉnh	2037/QĐ-UBND 04/11/2022	55.000	20.000	20.000						3.000			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
12	Ngành/lĩnh vực: Xã hội		9.500	9.500	9.500			4.000			4.000			
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		9.500	9.500	9.500			4.000			4.000			
1	Dự án xây dựng Nhà lưu xá sinh viên làng trẻ em SOS Điện Biên Phủ	2093/QĐ-UBND 18/11/2021	9.500	9.500	9.500			4.000			4.000			
C	Vốn xố số kiến thiết		229.710	203.889	112.200			28.190			35.000			
I	Ngành/lĩnh vực: Giáo dục đào tạo - GD nghề nghiệp		160.810	134.989	43.300			14.340			11.552			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		132.810	106.989	15.300			9.648			5.152			
1	Trường THPT Lương Thế Vinh	835/QĐ-UBND 10/9/2012; 1102/QĐ-UBND 01/9/2016; 876/QĐ 17/9/2019	121.810	95.989	4.300			1.648			2.652			
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Mường Luân, huyện Điện Biên Đông	3018/QĐ-UBND 22/11/2021	11.000	11.000	11.000			8.000			2.500			
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		10.000	10.000	10.000			4.350			3.000			
1	Bổ sung cơ sở vật chất trường THCS THPT Quải Tở, huyện Tuần Giáo	2999/QĐ-UBND 18/11/2021	10.000	10.000	10.000			4.350			3.000			
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2023		18.000	18.000	18.000			342			3.400			
1	Bổ sung cơ sở vật chất trường CD Sư phạm	2058/QĐ-UBND 09/11/2022	8.000	8.000	8.000			142			1.000			
2	Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất thực hành nghề, trường Cao đẳng Nghề	2146/QĐ-UBND 22/11/2022	10.000	10.000	10.000			200			2.400			
II	Ngành/lĩnh vực: Y tế		55.900	55.900	55.900			13.850			19.948			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		11.500	11.500	11.500			7.000			3.500			
1	Trạm Y tế Thị trấn Mường Chà	2091/QĐ-UBND 18/11/2021	5.000	5.000	5.000			3.000			1.500			
2	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Trung tâm Pháp y tỉnh Điện Biên	2090/QĐUBND 18/11/2021	6.500	6.500	6.500			4.000			2.000			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		22.700	22.700	22.700			6.300			10.248			
1	Nâng cấp, sửa chữa 3 trạm y tế xã Xa Dung, Pù Hồng, Noong U huyện Điện Biên Đông	3001/QĐ-UBND 19/11/2021	5.000	5.000	5.000			2.000			2.500			
2	Nâng cấp, sửa chữa 3 trạm y tế xã Mường Pồn, Pom Lót huyện Điện Biên và xã Nà Nhạn TP. Điện Biên Phủ	3004/QĐUBND 19/11/2021	5.700	5.700	5.700			2.000			2.000			
3	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất các khoa phòng của trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh và trụ sở làm việc của Sở Y tế	2089/QĐUBND 19/11/2021	12.000	12.000	12.000			2.300			5.748			
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2023		21.700	21.700	21.700			550			6.200			
1	Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế phường Him Lam TP Điện Biên Phủ	1884/QĐUBND 10/10/2022	1.500	1.500	1.500			50			1.200			
2	Nâng cấp, sửa chữa 4 trạm y tế xã Ngòi Cáy, Ảng Nưa, Mường Đẳng, Mường Lạn huyện Mường Ảng	1921/QĐUBND 14/10/2022	7.600	7.600	7.600			200			2.000			
3	Nâng cấp, sửa chữa 4 trạm y tế xã Chiềng Sinh, Nà Sáy, Quải Nưa, Ta Ma huyện Tuần Giáo	2036/QĐUBND 04/11/2022	7.600	7.600	7.600			200			2.000			
4	Trạm Y tế xã Thanh An, huyện Điện Biên	3003/QĐUBND 19/11/2021	5.000	5.000	5.000			100			1.000			
III	Các nhiệm vụ trọng tâm thuộc CTMTQG xây dựng nông thôn mới		13.000	13.000	13.000						3.500			Phân bổ chi tiết sau khi đủ điều kiện
1	Đường giao thông bản kéo, xã Pá Khoang, TP ĐBP		4.950	4.950	4.950									
2	Đường giao thông bản Hà, xã Pá Khoang, TP ĐBP		4.500	4.500	4.500									
3	Đường giao thông bản Bó, xã Pá Khoang, TP ĐBP		3.550	3.550	3.550									